

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 5 – 2025

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Việt Á, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025 nguyên đơn bà Phan Việt Á trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Văn N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, cuộc sống

hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn N.

Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Trương Quốc T, sinh ngày 27/5/1993, Trương Bé H, sinh ngày 27/12/1996, Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009. Đối với Trương Quốc T và Trương Bé H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con Trương Gia H1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2025 ông Trương Văn N trình bày: Ông và bà Phan Việt Á chung sống với nhau từ năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng từ trước đến nay vẫn chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn hay cự cãi gì lớn. Trước tết âm lịch ông có phát sinh khoản nợ từ lý do đó mà vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Nhưng không rõ lý do vì sao bà Á yêu cầu ly hôn. Xét thấy, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn và vẫn chung sống với nhau hạnh phúc không có việc ly thân nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như bà Á trình bày là đúng. Đối với Trương Gia H1 hiện đang sống cùng vợ chồng, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi Trương Gia H1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện chính quyền địa phương UBND thị trấn C nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà Á và ông N không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Bà Phan Việt Á trình bày: Bà xác định mặc dù vợ chồng có đăng ký kết hôn tuy nhiên thủ tục không hợp pháp nên UBND thị trấn C Vàm xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn bà thống nhất. Trong cuộc sống ông N không chăm lo cho gia đình, kinh tế ai làm người đó sử dụng nên bà cương quyết ly hôn. Về con chung và tài sản chung vẫn giữ quan điểm tại đơn khởi kiện.

- Ông N trình bày: Ông xác định vợ chồng đã đăng ký kết hôn nên không đồng ý với xác nhận của UBND thị trấn C về việc xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Hơn nữa, vợ chồng mâu thuẫn không trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn đối với con Trương Gia H1 có nguyện vọng sống với bà Á, ông thống nhất theo nguyện vọng của con.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Phan Việt Á và ông Trương Văn N là vợ chồng. Về nuôi con chung 03 người tên Trương Quốc T, sinh ngày 27/5/1993, Trương Bé H, sinh ngày 27/12/1996, Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009. Đối với Trương Quốc T và Trương Bé H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Giao Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009 cho bà Phan Việt Á tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Việt Á khởi kiện xin ly hôn với ông Trương Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Trương Văn N cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phan Việt Á và ông Trương Văn N xác định chung sống với nhau vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện giấy đăng ký kết hôn chỉ có bà Á và ông N ký tên không có xác nhận của UBND thị trấn C và cũng không thể hiện ngày tháng năm. Hơn nữa, tại Văn bản số 104/UBND ngày 24/4/2025 của thị trấn C Vàm xác định: *“Qua tra cứu sổ bộ kết hôn lưu tại UBND thị trấn C Vàm không có thông tin ông N kết hôn với bà Á”*. Tại phiên toà, bà Á và ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bà có đăng ký kết hôn hợp pháp.

Như vậy, xác định bà Á và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”*. Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Do

đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Á và ông N là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Trương Quốc T, sinh ngày 27/5/1993, Trương Bé H, sinh ngày 27/12/1996, Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009. Đối với Trương Quốc T và Trương Bé H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Sau khi ly hôn bà Á yêu cầu được nuôi Trương Gia H1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông N xác định nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà Á nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 17/02/2025 của con chung Trương Gia H1 có nguyện vọng sống với mẹ và bà Á có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của con chung, ông N cũng thống nhất giao con cho bà Á tiếp tục nuôi dưỡng căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà Á trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Bà Á không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Á phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Việt Á và ông Trương Văn N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Có 03 người tên Trương Quốc T, sinh ngày 27/5/1993, Trương Bé H, sinh ngày 27/12/1996, Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009. Đối với Trương Quốc T và Trương Bé H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Giao Trương Gia H1, sinh ngày 16/9/2009 cho bà Phan Việt Á tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Phan Việt Á.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phan Việt Á phải chịu 300.000 đồng. Bà Phan Việt Á đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003836 ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như